

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái Anh Hào quy mô 2.400 con heo nái tại ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Anh Hào làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái Anh Hào quy mô 2.400 con heo nái tại ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Anh Hào làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 06/CV-AH ngày 04/5/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 304/TTr-STNMT ngày 12/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái Anh Hào quy mô 2.400 con heo nái (sau đây gọi là

Dự án) do Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Anh Hào làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại tại ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Chủ tịch UBND xã Tân Hưng, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Anh Hào và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-37-QĐPD-13/5).

KS. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

Phụ lục

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái Anh Hào quy mô 2.400 con heo nái tại ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV XD TM DV Anh Hào làm chủ đầu tư

(Kèm theo Quyết định số ~~1256~~.../QĐ-UBND ngày 14.../5.../2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Trang trại chăn nuôi heo nái Anh Hào quy mô 2.400 con heo nái tại ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH MTV XD TM DV Anh Hào.

Công ty TNHH MTV XD TM DV Anh Hào được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3801226886 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24/6/2020.

Trụ sở chính: Ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Anh Hào, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Ấp Sóc Quả, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 107.783,9 m² với quy mô 2.400 con heo nái.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng của Dự án:* Bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công; bụi, khí thải từ hoạt động cắt hàn kim loại; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Bụi và khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào Dự án; bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng; khí phát sinh từ hệ thống biogas; mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải, từ quá trình ép phân và nhà đẻ phân; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; phân heo; nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh; bùn thải; bao bì cám heo dự trữ; tấm làm mát hư hỏng thải bỏ và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1 Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 01 m³/ngày; thành phần ô

nhiễm chủ yếu là cặn bản và các chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 03 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi*: Tổng lưu lượng nước thải phát sinh từ trang trại khoảng 143,32 m³/ngày gồm nước thải chăn nuôi khoảng 117,4 m³/ngày; nước từ quá trình rửa đàn khoảng 16 m³/ngày; nước từ quá trình sát trùng khoảng 09 m³/ngày và nước vệ sinh tắm làm mát khoảng 0,846 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là pH, SS, COD, BOD₅, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 10 m³/ngày; thành phần chủ yếu là BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliform...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi từ quá trình san nền, đào móng*: Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất, san nền là 0,18 mg/m³.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng*: Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải từ hoạt động cắt hàn kim loại*: Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, CO.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào Dự án*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO...

- *Bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO...

- *Khí thải từ hệ thống biogas*: Lượng khí CH₄ sinh ra từ hầm biogas khoảng 58,32 m³/ngày. Thành phần chính của khí là CH₄ (58% đến 60%) và CO₂ (>30%) còn lại là các chất khác như hơi nước, O₂, H₂S, CO.

- *Mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, máy ép phân và nhà để phân*: Thường chứa các thành phần như NH₃, H₂S, mercaptan và các amin hữu cơ, andehyde hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Khối lượng phát sinh khoảng 198,19 kg/ngày, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 24 kg/ngày, thành phần chủ yếu là rác thực phẩm, giấy, nylon, carton...

2.4.2 Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh khoảng 7.714 kg/ngày; thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng như N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh*: Khối lượng phát sinh khoảng 125,3 kg/ngày.

- *Bùn thải*: Khối lượng bùn phát sinh từ bể biogas khoảng 12,96 kg/ngày và khối lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 2.160 kg/ngày.

- *Bao bì cám heo dự trữ*: Khối lượng phát sinh khoảng 3,49 kg/ngày.

- *Tắm làm mát hư hỏng thải bỏ*: Khối lượng phát sinh khoảng 16 kg/tháng.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 80 kg/ngày, thành phần bao gồm rác thực phẩm, giấy, xương, nylon, vỏ đồ hộp...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 10 kg/tháng bao gồm giẻ lau dính dầu nhớt thải, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải, que hàn thải...

2.5.2 Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Tổng lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 37 kg/tháng bao gồm giẻ lau, bao tay dính hóa chất dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn), chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại, pin ắc quy chì thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Thu gom nước thải vào hồ lắng tạm có thể tích 01 m³; kết cấu bằng hồ đất. Bụi, cát, đá... có trong nước thải lắng xuống và phần nước trong được tái sử dụng cho việc tưới đường để giảm thiểu bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Chủ Dự án xây dựng 05 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 06 m³/bể) để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh. Bể tự hoại này được sử dụng chung cho cả giai đoạn triển khai xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào vận hành.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải xây dựng phải được tái sử dụng để tưới đường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn và nước thải từ quá trình giặt được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý; Chủ Dự án xây dựng 05 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích mỗi bể là 06 m³.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi*: Nước thải từ quá trình ép phân và nước thải từ chăn nuôi được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 200 m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ như sau:

Nước thải chăn nuôi được thu gom về **hố thu gom** → Hệ thống tách phân, sau đó: 30% lượng nước thải chăn nuôi (khoảng 35,244 m³/ngày.đêm) dẫn về bể điều hòa 1 và 70% nước thải chăn nuôi (khoảng 82,236 m³/ngày.đêm) dẫn về **bể** biogas → Bể điều hòa 1.

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn + nước thải tắm giặt + nước thải từ quá trình sát trùng, rửa đàn, vệ sinh, tắm, làm mát được thu gom về bể điều hòa 1.

Nước thải từ bể điều hòa 1 → Bể điều hòa 2 → Cụm hóa lý 1 → Cụm bể xử lý sinh học 1 → Bể lắng sinh học 1 → Hồ sinh học → Cụm bể xử lý sinh học 2 → Bể lắng sinh học 2 → Cụm hóa lý 2 → Bể khử trùng → Bồn lọc → Hồ chứa nước thải sau xử lý, nước thải đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học. Toàn bộ lượng nước thải được lưu chứa trong hồ chứa nước sau xử lý và được sử dụng cho hoạt động tưới cây, tái sử dụng cho hoạt động rửa chuồng, làm mát. Chủ Dự án phải cam kết không xả ra ngoài.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng, tưới cây.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án như sau:

STT	Công trình	Kích thước L x B x H (m)	Số lượng	Cấu tạo
1	Hố thu gom	08 x 04 x 05	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
2	Bể biogas	30 x 55 x 05	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
3	Bể điều hòa 1 (Hồ chứa nước thải sau biogas)	30 x 40 x 04	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
4	Bể điều hòa 2	4,7 x 2,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
5	Cụm hóa lý 1			
5.1	Bể trộn	2,3 x 1,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
5.2	Bể lắng hóa lý 1	2,8 x 2,3 x 04	02	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
6	Cụm bể xử lý sinh học 1			
6.1	Bể thiếu khí	4,7 x 2,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm

6.2	Bể hiếu khí 1A	5,8 x 2,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
6.3	Bể hiếu khí 1B	2,8 x 2,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
6.4	Bể lắng sinh học 1	2,8 x 2,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
7	Hồ sinh học	20 x 30 x 04	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
8	Cụm bể sinh học 2			
8.1	Bể hiếu khí 2	2,8 x 2,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
8.2	Bể lắng sinh học	2,8 x 2,3 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
9	Cụm hóa lý 2			
9.1	Bể keo tụ	2,3 x 1,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
9.2	Bể lắng hóa lý 2	2,8 x 2,3 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
10	Bể khử trùng	2,3 x 1,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
11	Bồn lọc áp lực	Cao 02 m; Đường kính 0,8 m	01	Inox 304
12	Hồ chứa nước thải sau xử lý	20 x 30 x 04	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
13	Bể chứa bùn	2,3 x 1,8 x 04	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm

3.2. Về xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn Dự án:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động cắt hàn kim loại:* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân; thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hiện tượng mất an toàn để xử lý kịp thời nhằm đảm bảo an toàn thi công...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN



03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2 Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chờ quá tải; điều phối xe hợp lý tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động cùng thời điểm, tưới nước đường nội bộ vào mùa khô để giảm bụi; thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực kho cám tần suất 01 ngày/lần để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất; phun nước sân bãi để giảm bụi và hơi nóng, nhất là vào mùa nắng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Chủ Dự án lắp đặt ống khói cao vượt mái 02 m, đường kính ống khói 25 cm.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí gas từ hầm biogas:* Toàn bộ lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được tận dụng để làm nhiên liệu nấu ăn cho công nhân viên; lượng khí gas dư được Chủ Dự án đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ khu vực xử lý nước thải, ép phân, hầm hủy xác và nhà đẻ phân:*

Mùi hôi tại khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín, thường xuyên khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng; trồng cây xanh, thâm cỏ bao quanh khuôn viên trang trại, hàng ngày bổ sung chế phẩm EM vào nước thải để giảm mùi hôi...

Khu vực ép phân, chứa phân: Dùng chế phẩm vi sinh EM phun đều lên bề mặt phân heo với tần suất phun 02 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 02 lần/ngày; trồng cây xanh xung quanh nhà đẻ phân để giảm mùi hôi.

Khu vực hầm hủy xác: Bố trí xây dựng hầm hủy xác nằm ở khu vực biệt lập, xa khu vực chuồng trại, hầm hủy có nắp đậy. Sử dụng vôi và chế phẩm vi sinh EM để phun, rắc vào các vị trí phát sinh mùi hôi nhiều với tần suất phun 02 lần/ngày.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải rắn không thể tận dụng, Chủ Dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa bằng nhựa có dung tích 200 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Phân heo*: Phân heo và nước thải theo hệ thống thu gom về hồ thu gom, sau đó qua hệ thống ép phân; nước thải từ quá trình ép phân được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Lượng phân sau ép được phun chế phẩm vi sinh EM với tần suất 02 lần/ngày để khử mùi và rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày, sau đó đóng bao và lưu trữ trong nhà để phân với diện tích 107,85 m² (kết cấu bằng tường gạch, nền bê tông cốt thép, mái che bằng tôn) để lưu giữ sau đó chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu.

- *Xác heo chết không do dịch bệnh*: Xác heo chết không do dịch bệnh được xử lý bằng hồ hủy xác. Chủ Dự án xây dựng hầm hủy xác 02 ngăn có kết cấu bê tông chống thấm, kích thước 01 hầm: Dài x Rộng x Sâu = 06 m x 06 m x 04 m. Trên bề mặt xác heo và xung quanh hầm hủy có rải vôi bột, chlorine để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- *Xác heo chết do dịch bệnh*: Khi Chủ Dự án nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn theo quy định.

- *Bùn từ hệ thống xử lý nước thải*: Thời gian đầu Chủ Dự án quản lý như chất thải nguy hại. Sau khi hoạt động ổn định, Chủ Dự án tiến hành lấy mẫu phân gửi đơn vị có chức năng phân tích. Trường hợp bùn thải sau khi phân tích là chất thải nguy hại, Chủ Dự án phải quản lý theo đúng quy định về chất thải nguy hại. Trường hợp bùn thải sau khi phân tích không phải là chất thải nguy hại thì lượng bùn này được bơm về bể chứa bùn, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Bùn từ bể biogas*: Thu gom và ép tạo thành bùn khô, sau đó được chuyển đến nhà chứa chất thải thông thường của Dự án. Định kỳ hợp đồng đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 120 lít được bố trí xung quanh và trong khu vực trang trại; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn thông thường không nguy hại*: Thùng carton, bao bì cám heo dự trữ, tấm làm mát thải bỏ... được thu gom và lưu chứa như chất thải rắn thông thường tại nhà lưu chứa chất thải rắn có diện tích 10 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.



- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Phân heo phải được xử lý theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 10 m² sử dụng cho cả giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động với kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô hai mặt, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo... theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 10 m² có kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:* Trang bị nút bịt tai cho công nhân. Sử dụng các loại xe chuyên dụng hiện đại, ít gây tiếng ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi

trường và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ. Đối với khu vực chuồng trại phải được che chắn để giảm thiểu phát tán tiếng ồn từ heo.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục đối với hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đều có thiết bị dự phòng.

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 – Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

- *Biện pháp ứng phó sự cố rò rỉ CH_4 của hệ thống biogas:* Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế; thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống thu gom, sử dụng biogas đảm bảo khí gas không bị rò rỉ, không xảy ra sự cố cháy nổ; trường hợp lượng khí biogas sử dụng cho Dự án còn dư, Chủ Dự án tiến hành đốt có kiểm soát để giảm thiểu nguy cơ cháy nổ.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án: Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng Dự án:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, CO.



- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực Dự án:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại khu vực hầm hủy xác

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Thông số giám sát*: NH₃, H₂S, CH₄.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.2. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát*: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.3. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực tưới tiêu.
- *Chỉ tiêu giám sát:* As, Cd, Cu, Pb, Zn, Cr.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép một số kim loại nặng trong đất.

5.4. Giám sát môi trường nước ngầm:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại giếng khoan của Dự án.
- *Thông số giám sát:* pH, TDS, độ cứng, amoni, nitrat, clorua, coliform, Fe, Pb, Zn.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.5. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Chủ Dự án phải đảm bảo đủ điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

6.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn



tỉnh Bình Phước.

6.4. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

6.5. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.6. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 19/UBND ngày 11/3/2021 của UBND xã Tân Hưng về việc ý kiến tham vấn của Dự án Trang trại chăn nuôi heo nái Anh Hào quy mô 2.400 con heo nái và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án tại Hội trường UBND xã Tân Hưng. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.7. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.8. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.9. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.